

Bản án số: 17/2020/ KDTM-ST

Ngày: 22/09/2020

V/v: “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán
theo hợp đồng mua bán
hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Quang Long

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Dung

Ông Đào Hoàng Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa: Ông Lưu Văn A - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/2020/TLST-KDTM ngày 7/05/2020 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXX ST ngày 18/08/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2020/QĐST-DS ngày 04/9/2020, giữa:

Nguyên đơn: Cty E. Địa chỉ trụ sở chính: Lô II.8.1 Khu Công nghiệp T III, xã Thanh Khương, huyện T, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn K- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Đại diện theo ủy quyền bà Tạ Thị Mai H, chức vụ kế toán trưởng Công ty. (Giấy ủy quyền số 2209/E-Hc ngày 22/9/2020). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Cty H Việt Nam. Địa chỉ trụ sở chính: Km 10, Quốc lộ 5, xã D huyện G, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Đoan P - Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đoan P, sinh năm 1975; Nơi cư trú: taapk thể, phường G, Quận B, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.
2. Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1974; Nơi cư trú: phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.
3. Ông Phan Thành Đ sinh 1987. Địa chỉ cư trú cũ: phường N, quận Ba Đình. Địa chỉ cư trú mới: Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, đại diện theo pháp luật của công ty E, người đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày:

Công ty phần E Việt Nam khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết buộc Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam phải thanh toán số tiền 629.740.940 đồng nợ gốc và 170.896.083 đồng, tiền lãi chậm trả, tính từ ngày 03/05/2018 đến nay, theo hợp đồng nguyên tắc số E-HPTECH 17/01-001 ngày 01/7/2017 về việc mua bán hàng hóa (thép) giữa hai Công ty. Theo đó, Công ty phần E Việt Nam, từ ngày 23/9/2017 đến ngày 20/10/2017, đã giao mặt hàng thép cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam, theo các hóa đơn, cụ thể sau:

1- Hóa đơn ngày 23/9/2017, số hóa đơn 0000675, công ty E Việt Nam bán cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam mặt hàng thép 2.0 x 150 x C x 8.748kg x 16.940 đồng/kg = 148.191.120 đồng, đã thanh toán 148.191.120 đồng.

2- Hóa đơn ngày 26/9/17, số hóa đơn 0000688, công ty E Việt Nam bán cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam mặt hàng thép 1.2 x Quy cách x C x 10.534kg x 18.920 đồng/kg = 199.303.280 đồng, đã thanh toán 199.303.280 đồng.

3- Hóa đơn ngày 29/9/17, số hóa đơn 0000701, công ty E Việt Nam bán cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam mặt hàng thép 1.2 x 116 x C x 3.270kg x 18.920 đồng/kg = 61.868.400 đồng, đã thanh toán 61.868.400 đồng.

4- Hóa đơn ngày 3/10/17, số hóa đơn 0000730, công ty E Việt Nam bán cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam mặt hàng thép 1.2 x 105/132 x C x 2.290kg x 42.240 đồng/kg = 96.729.600 đồng, đã thanh toán 70.637.200 đồng, còn nợ 26.092.400 đồng.

5- Hóa đơn ngày 7/10/17, số hóa đơn 0000749, công ty E Việt Nam bán cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam mặt hàng thép 1.2x100xC x 5.964kg x 18.920đồng/kg = 112.838.880đồng, chưa thanh toán, còn nợ 112.838.880.400đồng.

6- Hóa đơn ngày 14/10/17, số hóa đơn 0000776, công ty E Việt Nam bán cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam mặt hàng thép 2.0x150xC x 11.435kg x 17.820đồng/kg = 203.771.700đồng, chưa thanh toán, còn nợ 203.771.700đồng.

7- Hóa đơn ngày 18/10/17, số hóa đơn 0000793, công ty E Việt Nam bán cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam mặt hàng thép Thép 2.0x150xC x 2.586kg x 17.820đồng/kg = 46.082.520đồng, chưa thanh toán, còn nợ 46.082.520đồng.

8- Hóa đơn ngày 18/10/17, số hóa đơn 0000793, công ty E Việt Nam bán cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam mặt hàng thép 1.0x150xC x 3.787kg x 18.920đồng/kg = 71.650.040đồng, chưa thanh toán, còn nợ 71.650.040đồng.

9- Hóa đơn ngày 20/10/17, số hóa đơn 0000803, công ty E Việt Nam bán cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam mặt hàng thép Thép 2.5x148xC x 9.385kg x 18.040đồng/kg = 169.305.400đồng, chưa thanh toán, còn nợ 169.305.400đồng.

Tổng tiền hàng là: **1.109.740.940đồng**, đã thanh toán **480.000.000đồng**, còn nợ **629.740.940đồng**.

Theo biên bản thông báo chốt công nợ ngày 03/05/2018 thì Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam còn nợ công ty E Việt Nam **629.740.940** đồng tiền hàng.

Theo Hợp đồng mua bán thì nếu Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam chậm thanh toán thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả, thỏa thuận là 1%/tháng, vì vậy buộc Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam phải thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ 03/05/2018 tính đến ngày 5/8/2020, cụ thể **629.740.940đồng x 1%/1tháng x 27 tháng = 206.224.550** đồng. Từ 5/8/2020 đến 22.9.2020 thì không yêu cầu tính lãi.

*Như vậy, Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam phải có nghĩa vụ thanh toán **629.740.940** đồng tiền nợ do mua bán hàng hóa và **206.224.550** đồng tiền lãi do chậm thanh toán nghĩa vụ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.*

Bị đơn: Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam: Không hợp tác, không đến Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại của pháp luật. Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam phải thanh toán cho Công ty E Việt Nam số tiền bán hàng nợ gốc là **629.740.940** đồng và **206.224.550** đồng tiền lãi do chậm thanh toán nghĩa vụ từ 03/05/2018 tính đến ngày 5/8/2020, chấp nhận lãi suất trả chậm theo thỏa thuận của hợp đồng mua bán hàng hóa. Từ 5/8/2020 đến 22.9.2020, Công ty E không yêu cầu tính lãi cần ghi nhận.

Về án phí: Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, tố tụng:

Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam có trụ sở hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0105970301, đăng ký lần đầu ngày 15/08/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15/01/2015, tại Km10 Quốc lộ 5, xã Dương Xá,

huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đến nay chưa có thông báo thay đổi địa chỉ Giấy phép đăng ký kinh doanh. Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng mua bán hàng hóa trong hoạt động kinh doanh. Công ty E Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm giải quyết, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân huyện Gia Lâm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa và quá trình tố tụng, người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đến tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã đưa các cổ đông sáng lập Công ty vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên, đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng họ không đến Tòa án làm việc. Phiên tòa được mở lại lần 2 đã được tổng đạt niêm yết theo qui định nên căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung, giải quyết yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Nội dung:

Thực hiện hợp đồng nguyên tắc số E-HPTECH 17/01-001 ngày 01/7/2017 về việc mua bán hàng hóa (thép) giữa hai Công ty. Từ ngày 23/9/2017 đến ngày 20/10/2017, Công ty phần E Việt Nam, đã giao mặt hàng thép cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam, theo các hóa đơn, cụ thể sau:

Hóa đơn mua bán hàng hóa số 0000675 ngày 23/9/2017; số hóa đơn 0000688, ngày 26/9/17; số hóa đơn 0000701 ngày 29/9/17; số hóa đơn 0000730 ngày 3/10/17; số hóa đơn 0000749 ngày 7/10/17; số hóa đơn 0000776 ngày 14/10/17; số hóa đơn 0000793 ngày 18/10/17; số hóa đơn 0000793 ngày 18/10/17; số hóa đơn 0000803 ngày 20/10/17 nêu trên thì Công ty E Việt Nam thỏa thuận bán cho Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam mặt hàng thép các loại. Tổng tiền hàng là: 1.109.740.940 đồng. Theo biên bản thông báo chốt công nợ ngày 03/05/2018 thì Công ty cổ phần Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam, đã thanh toán 480.000.000 đồng, còn nợ 629.740.940 đồng.

Đối chiếu nội dung hợp đồng mua bán hàng hóa với mặt hàng là thép thành phẩm, không nằm trong danh mục cấm và theo đúng như trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã đăng ký. Như vậy theo quy định tại Điều 86, Điều 87 BLDS 2015 và Điều 24, Điều 25 Luật Thương mại năm 2005 thì chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng và nội dung Hợp đồng đúng pháp luật qui định.

[2.2]. Công ty E Việt Nam và Công ty Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa, theo đó các bên đã giao nhận hàng hóa và xuất hóa đơn mua bán hàng hóa, đến nay không có tranh chấp về việc giao nhận hàng hóa. Theo biên bản làm việc ngày 18/01/2018, bà Nguyễn Thị Đoàn Phương, đại diện theo pháp luật của Công ty Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam đã thừa nhận nợ cụ thể Công ty Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam còn nợ Công ty E Việt Nam số tiền **629.740.940** đồng và có cam kết thanh toán toàn bộ nợ cho Công ty E Việt Nam trước ngày 13/02/2018, nhưng đến nay chưa thanh toán. Như vậy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, lời khai của đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đủ cơ sở xác định Công ty Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam còn nợ Công ty E Việt Nam số tiền **629.740.940** đồng, theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Vì vậy cần buộc Công ty Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty E Việt Nam số tiền **629.740.940**, còn nợ do mua bán hàng hóa là phù hợp Điều 50 Luật thương mại năm 2005.

[2.3]. Đối với tiền lãi do chậm thanh toán theo yêu cầu của Công ty E Việt Nam, thấy Công ty E Việt Nam đề nghị tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 1%/tháng = 12% năm trên số tiền nợ gốc **629.740.940** đồng, tính từ thời điểm ngày 03/05/2018 cho đến ngày 5/8/2020, từ 5/8/2020 đến 22/9/2020 (ngày xét xử vụ án), Công ty E không yêu cầu tính lãi chậm trả, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn có lợi cho bên bị đơn do vậy cần ghi nhận. Mức lãi suất giải quyết như sau:

Trong Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên có Điều khoản qui định: Nếu bên mua thanh toán chậm so với qui định trong điều khoản thanh toán của Hợp đồng, bên mua sẽ chịu phạt theo lãi suất chậm trả là 1%/tháng = 12% năm tính từ thời điểm đến hạn thanh toán tới thời điểm bên mua thanh toán cho toàn bộ số tiền chậm thanh toán. Theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 qui định “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...”.

Theo văn bản số 8692/TGD-NHCT18 ngày 05/7/2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Công văn số 1844/NHNo-KHNV ngày 14/3/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Văn bản số 1545/VCB-BKTNB của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thì mức lãi

suất nợ quá hạn trung bình hiện đang áp dụng đối với phục vụ hoạt động kinh doanh khoảng trên 14%/năm.

Việc Công ty E Việt Nam yêu cầu Công ty Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam trả tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 12% năm là có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận. Cụ thể khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là **629.740.940**đồng x 1%/1tháng x 27 tháng = **206.224.550** đồng.

[3]. *Án phí*: Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán do vậy phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán. Yêu cầu của nguyên đơn yêu được chấp nhận do vậy không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 86, Điều 87 BLDS 2015;

Áp dụng các điều 24, Điều 25, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty E Việt Nam về việc buộc Công ty Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán hàng hóa còn nợ và phải chịu tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng mua bán hàng hóa trên số tiền nợ chưa thanh toán.

2. Xác nhận Công ty Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam còn nợ Công ty E Việt Nam số tiền mua hàng hóa chưa thanh toán là: **629.740.940**đồng. Tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán **206.224.550**đồng. Tổng số tiền Công ty Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam phải thanh toán Công ty E Việt Nam cả tiền gốc, lãi là

835.965.490đồng (tám trăm ba mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng là 12%/năm.

3. **Án phí:** Công ty Cơ khí và Khuôn mẫu H Việt Nam phải chịu 21.438.619đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại công ty Công ty E Việt Nam số tiền 18.009.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 5193 ngày 7/5/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Báo cho nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghi vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát huyện Gia Lâm;
- THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

XÉT XỬ

T/M HỘI ĐỒNG

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Long

